TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HAI BÀ TRƯNG** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 345/2021/QĐST- VHNGĐ	*Hai Bà Trưng, ngày 21 tháng 12 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 Khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 55, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 637/2021/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2021 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Chị Trần Ngọc M, sinh năm 1986; Hộ khẩu thường trú và trú tại: P 301 Nhà C, Tập thể D, phường Đ, quận H, Thành phố Hà Nội.

Và: Anh Trần Hoàng A, Sinh năm 1984; Hộ khẩu thường trú và trú tại: P101, nhà A8 tập thể T, phường B, quận H, Thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1].Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Ngọc M và anh Trần Hoàng A kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội ngày 28/04/2011. Nay cả hai anh chị đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn.

[2].Về con chung: Anh chị thống nhất xác nhận vợ chồng có 01 con chung là Trần Ngọc M.A, sinh ngày 04/6/2011. Hiện nay, cháu sức khỏe bình thường. Ly hôn anh chị thống nhất thỏa thuận giao con chung Trần Ngọc M. A cho chị M được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con anh chị xin tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh Trần Hoàng A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3].Về tài sản chung, nhà đất, công sức đóng góp, nợ chung: Anh chị xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4].Về lệ phí ly hôn sơ thẩm: Chị M tự nguyện chịu cả.

[5].Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 12 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

[6]. Đã hết thời hạn 07(Bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Trần Ngọc M và anh Trần Hoàng A;

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Ngọc M và anh Trần Hoàng A xác nhận tình cảm vợ chồng không còn và cùng thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh chị thống nhất xác nhận vợ chồng có 01 con chung là Trần Ngọc M. A, sinh ngày 04/6/2011. Hiện nay, cháu sức khỏe bình thường. Ly hôn anh chị thống nhất thỏa thuận giao con chung Trần Ngọc M. A cho chị Mai được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác. Về cấp dưỡng nuôi con anh chị xin tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh Trần Hoàng A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nhà đất ở chung, công sức đóng góp, nợ chung: Anh chị xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí Toà án: Chị Trần Ngọc M tự nguyện chịu cả 300.000đồng lệ phí việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đồng chị đã nộp tạm ứng lệ phí tại Biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số AA/2020/0012073 ngày 09/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Q. Hai Bà Trưng;
- Thi hành án dân sự Q. Hai Bà Trưng;
- UBND phường Đ, Q. H, TP. Hà Nội; (ĐKKH số 41, quyển số 01/2011 ngày 28/4/2011);
- Lưu hồ sơ vụ án;

THẨM PHÁN

Phạm Văn Tiến

Mẫu số 31-VDS (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐTP ngày 09 tháng 8 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN NHÂN DÂN…….[1]	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
-------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ……../……./QĐST-HNGĐ[2]	*……., ngày ….. tháng …. năm …….*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN ……..

Căn cứ[3]……. Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ[4]…….. Luật Hôn nhân và Gia đình;
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;
Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số…../…../TLST-HNGĐ[5] ngày ….tháng …..năm….. về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:
- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*[6].....
.....
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*[7].....
.....

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:[8]

[1].....
.....
[2].....
.....

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: .....
.....
- Về con chung: .....
.....
- Về tài sản chung: .....
.....
- Về các vấn đề khác:.....
.....

2. Về lệ phí Tòa án: .....

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

<u>Hướng dẫn sử dụng mẫu số 31-VDS:</u>

(1) Ghi tên Tòa án ra quyết định; nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra Quyết định.

(3) và (4) Ghi điểm, khoản, điều luật tương ứng của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Hôn nhân và Gia đình.

(5) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm thụ lý việc hôn nhân và gia đình.

(6) Ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú của người yêu cầu;

(7) Nếu là cá nhân thì ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó.

(8) Ghi nhận định của Tòa án về những nội dung mà các đương sự thỏa thuận được theo Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành. Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HAI BÀ TRƯNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

MỤC LỤC

Hồ sơ số 632 Thụ lý hôn nhân gia đình ngày 20.9.2018

Số TT	Số bút lục	Trích yếu tài liệu
1.	01-16	+ Đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn; + Bản chính Giấy chứng nhận kết hôn; + Bản sao Giấy khai sinh con chung + Bản sao CMND của chị Mai và anh Sơn; + Bản sao sổ hộ khẩu gia đình; + Văn bản ghi ý kiến của con.
2.	17-19	Phiếu phân công nghiên cứu đơn+ Thông báo nộp tạm ứng án phí +Biên lai thu tiền tạm ứng án phí.
3.	20	Quyết định phân công thẩm phán + thư ký
4.	21-23	Thông báo về việc thụ lý vụ án cho đương sự và cho Viện kiểm sát + Biên bản giao nhận.
5.	24-25	Bản tự khai
6.	26-27	Thông báo về phiên hoà giải + BB giao nhận
7.	28-29	Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành
8.	30-31	Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành và Biên bản giao biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành cho các đương sự.
9.	32	Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự
10.	33-34	Biên bản giao nhận quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự và Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng.
11.	35	Biên bản giao nhận quyết định công nhận thuận tình ly hôn cho UBND phường Bách Khoa

Tổng số 35 bút lục.

Thẩm phán **Người thống kê**

Phạm Văn Tiến **Lê Huyền Thu**